|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI**  Số: 100/KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đồng Nai, ngày 05 tháng 5 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;*

*Căn cứ Kế hoạch số 8864/KH-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai;*

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

a) Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo cho học sinh phổ thông tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” (sau đây gọi chung là Đề án).

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục;

c) Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

**2. Yêu cầu**

a) Việc triển khai thực hiện phải được tiến hành theo lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

# b) Việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phải bám sát Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 5003/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Đồng Nai. Tạo điều kiện thuận lợi nhất trong khuôn khổ quy định của pháp luật đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh.

# c) Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số quốc gia; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn.

**II. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

a) Nâng cao nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh, sinh viên và toàn xã hội về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động sức mạnh tổng thể, giúp quá trình triển khai được thuận lợi, đồng bộ.

b) Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục nhằm kế thừa và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trên nền tảng công nghệ số, công nghệ thông minh, góp phần xây dựng ngành Giáo dục và Đào tạo hiện đại, chất lượng, hiệu quả và từng bước hội nhập quốc tế; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục và được học tập, nâng cao trình độ liên tục, suốt đời; góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh theo định hướng kinh tế tri thức, kinh tế số.

**2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2025**

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo và người học

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: Có trên 80% học sinh, sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Hình thành một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 80% học sinh, sinh viên sử dụng;

+ Hình thành kho học liệu trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đáp ứng các yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 80% nội dung chương trình giáo dục phổ thông hiện hành;

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

+ Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học;

+ Trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ Có 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ Trên 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập riêng và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được xây dựng hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục từ trung ương tới các địa phương được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 90%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 90%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 90%.

**2.2. Định hướng đến năm 2030**

a) Trên cơ sở thành quả đạt được đến năm 2025, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo nhắm đạt được mục tiêu đã đề ra;

b) Tiếp tục hoàn thiện nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến, đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

c) 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

**3. Lộ trình thực hiện**

Phụ lục danh mục các nhiệm vụ trong chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (kèm theo).

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh và sinh viên;

b) Từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng số, trang thiết bị triển khai công nghệ thông tin và truyền thông của ngành Giáo dục và Đào tạo theo kiến trúc tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của ngành, đồng bộ và đảm bảo tính kết nối, nhất là về cơ sở dữ liệu đối với hệ thống của tỉnh;

c) Rà soát tổng thể, nâng cấp đồng bộ hệ thống đường truyền Internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục, có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ giáo viên; đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của ngành và đảm bảo điều kiện dạy - học trong nhà trường;

d) Tăng cường đầu tư, đảm bảo 100% các đơn vị, cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh có đủ về số lượng phòng máy, máy vi tính theo quy định; cấu hình đủ mạnh đáp ứng yêu cầu dạy - học; xây dựng chuẩn về phòng máy, máy vi tính đáp ứng yêu cầu giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018;

e) Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số;

g) Đầu tư hệ thống thiết bị, các phần mềm dùng cho việc dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, họp trực tuyến; hoàn thiện hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tập trung; xây dựng hệ thống quản lý thi, kiểm tra, quản lý văn bằng chứng chỉ tập trung;

h) Tiếp tục duy trì, nâng cấp và phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành.

**2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học**

a) Đổi mới mô hình dạy - học

- Triển khai, thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Xây dựng một số trung tâm đào tạo và nghiên cứu xuất sắc về công nghệ theo hình thức hợp tác công - tư cho giáo dục đại học.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông, thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ học liệu với các cơ sở giáo dục; phát triển các phòng thí nghiệm ảo, các phòng thực hành và thực tập ảo nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo trong giáo phổ thông.

**3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục**

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số;

- Triển khai Cổng dịch vụ công trực tuyến (tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử) với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục; hoàn thiện cơ sở dữ liệu lớn của ngành giáo dục Đồng Nai (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính - đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo);

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu giữa ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục;

- Phát triển trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Phát triển các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục;

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục; triển khai các mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trục tích hợp, liên thông dữ liệu quốc gia; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục;

- Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong số hóa, giám sát, quản lý và khai thác các nguồn lực, đối tượng và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đảm bảo kết nối thời gian thực với hệ thống thông tin quản trị nhà trường.

**4. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học; nâng cao chỉ số phát triển nguồn nhân lực về Chính phủ điện tử**

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong ngành giáo dục và xã hội;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số, kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên tin học về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, tiếp cận và đạt chuẩn quốc tế tại các cơ sở giáo dục, địa phương có đủ điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

d) Triển khai các chương trình đào tạo tin học quốc tế cho học sinh nhằm trang bị các kỹ năng về sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, khai thác các kho tàng trí thức, giúp người học trở thành các công dân toàn cầu;

e) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM), phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mờ vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số;

h) Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số thành phần nguồn nhân lực của Việt Nam theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế liên quan để cung cấp các số liệu kịp thời theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý các cấp.

**5.** **Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

a) Đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến về công nghệ giáo dục và chuyển đổi số áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phối hợp với doanh nghiệp công nghệ thông tin phát triển các ứng dụng giáo dục trên các thiết bị cầm tay, thiết bị di động để người dân có thể dễ dàng tiếp cận các dịch vụ giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi;

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;

c) Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường;

d) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong quá trình xây dựng, thực hiện kế hoạch.

**6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện cơ chế, chính sách**

a) Rà soát và ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục; quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy định về năng lực số của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

b) Rà soát và ban hành các quy định kỹ thuật về dữ liệu; hướng dẫn kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, cơ quan trong ngành giáo dục và ngành giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia; hướng dẫn kết nối kỹ thuật triển khai thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; ban hành tiêu chí kỹ thuật của các nền tảng số dùng trong ngành giáo dục; ban hành các bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục;

c) Ban hành chính sách thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo, các mô hình giáo dục và đào tạo mới dựa trên nền tảng và công nghệ số, chính sách huy động sự tham gia và đóng góp nguồn lực của các tổ chức, cá nhân và chuyên gia cho chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo chính sách thúc đẩy phát triển công nghệ giáo dục; chính sách máy tính giáo dục cho học sinh, sinh viên, chính sách Internet giáo dục trên địa bàn tỉnh;

d) Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng.

# IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn lực huy động hợp pháp khác.

2. Kính phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm chi cho các sở, ngành, địa phương theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai kế hoạch; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia kế hoạch.

3. Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ.

4. Ưu tiên triển khai nhiệm vụ của kế hoạch theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đối tác công tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

# V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện kế hoạch, có trách nhiệm phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch.

b) Chủ trì xây dựng kế hoạch chi tiết, dự toán kinh phí hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh quyết định. Thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định.

c) Định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổng kết tình hình thực hiện vào năm kết thúc kế hoạch.

d) Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc; đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Chủ động phối hợp chặt chẽ các sở, ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã đề ra.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh.

**2. Sở Tài chính**

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.

**3. Sở Thông tin và Truyền thông**

a) Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hỗ trợ các địa phương, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục.

b) Chủ trì trong công tác truyền thông và chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ, có chính sách ưu đãi đối với chuyển đổi số phục vụ cho hoạt động giáo dục; triển khai chữ ký số, chứng thực điện tử, các chuẩn trao đổi dữ liệu số.

c) Triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và chuyển đổi trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện kế hoạch.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo về các chương trình, đề án, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, lồng ghép các chính sách về công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hàng năm và giai đoạn theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

b) Trên cơ sở danh mục dự án do Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất về danh mục các dự án đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh chủ trương đầu tư, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**5. Công an tỉnh**

Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai kế hoạch.

**6. Các sở, ban, ngành của tỉnh**

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao; các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này và kế hoạch triển khai của bộ, ngành chủ quản, chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực thuộc quyền quản lý. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan triển khai các nội dung có liên quan theo kế hoạch.

**7. UBND các huyện, thành phố**

a) Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện việc “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn; đồng thời, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí thực hiện theo quy định về phân cấp ngân sách.

b) Chỉ đạo, tập trung rà soát, xây dựng, kiện toàn chương trình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tại địa phương.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ, báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo) kết quả thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm** theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện theo quy định. Quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tham mưu, giải quyết)./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Sơn Hùng** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2022 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”**

**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Kèm theo Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 05/5/2022*

*của UBND tỉnh Đồng Nai)*

| **Số**  **TT** | **Tên dự án, nhiệm vụ** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian**  **triển khai** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan | 2022-2023 |  |
| 2 | Xây dựng hệ sinh thái số ngành Giáo dục và Đào tạo như: Nâng cấp hệ thống CNTT cơ quan Sở GD&ĐT; hệ sinh thái dữ liệu mở; bản đồ giáo dục; trung tâm điều hành giáo dục. | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan | 2022-2023 |  |
| 3 | Phát triển chính quyền số trong ngành Giáo dục và Đào tạo như: Phần mềm quản lý văn bản đi, đến; dịch vụ công; thông tin một cửa; cung cấp thông tin giáo dục. | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan | 2022-2023 |  |
| 4 | Xây dựng phần mềm quản lý trực tuyến các nguồn thu và đẩy mạnh hoạt động thanh toán học phí không sử dụng tiền mặt. | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan | 2022-2025 |  |
| 5 | Xây dựng hệ thống thư viện các trường học đạt tiên tiến, hiện đại | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan | 2022-2025 |  |
| 6 | Xây dựng nền tảng số nâng cao hiệu quả hoạt động dạy - học trực tuyến như: nền tảng quản lý đào tạo trực tuyến, kho học liệu số dùng chung. | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan | 2022-2023 |  |
| 7 | Triển khai đề án đào tạo, bồi dưỡng năng lực tin học cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh theo chuẩn quốc tế | Sở GD&ĐT | Các sở, ngành liên quan, UBND huyện, thành phố | 2022-2025 |  |

*Lưu ý: Việc triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ trên, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến trước khi thực hiện.*